

CHƯƠNG XVII
PHẨM BA MƯƠI KỆ

(CCLVIII) Phussa (Thera. 87)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm con một vị vua trị vì một tỉnh, được đặt tên là *Phussa*, và được giáo dục trong mọi tài năng của thanh niên hoàng tộc. Nhưng ngài có tâm hướng khác thường, không thiên về thế tục, nên khi nghe một vị Trưởng lão thuyết pháp, ngài khởi lòng tin và xuất gia. Tu tập thiền định, ngài phát triển thiền quán và sau một thời gian, chứng được sáu thắng trí.

Một hôm, một ân sĩ tên *Pandara-gotta* nghe ngài thuyết pháp, thấy xung quanh có một số Tỷ-kheo giới đức nghiêm minh, tu tập, chế ngự thân và tâm, vị ân sĩ suy nghĩ: 'Hệ thống này thật đáng tin tưởng, mong rằng hệ thống này được tồn tại!'. Rồi vị ấy hỏi ngài về tương lai sự tiến bộ các Tỷ-kheo như thế nào? Ngài trả lời với những bài kệ như sau, riêng bài kệ 949 do các nhà kiết tập đặt thêm vào:

949. *ân sĩ Pan-đa-ra,*
Thấy nhiều vị thành tín,
Tự ngã có tu tập,
Khéo hộ trì chế ngự
Ngài mới đặt câu hỏi,
Với vị tên Phussa.

950. *Trong thời gian tương lai,*
Sẽ có ước muốn gì?
Sẽ có chí nguyện gì?
Sẽ có cử chỉ gì?
Mong ngài hãy trả lời,
Câu hỏi của chúng tôi.

951. *ân sĩ Pan-đa-ra,*
Hãy nghe lời ta nói,
Hãy thọ trì cẩn thận,
Ta sẽ nói tương lai.

952. *Phẫn nộ và hiềm hận,*
Che đậy và cứng đầu,
Nhiều lừa đảo ganh tị,
Tương lai nhiều loại vậy,

953. *Họ tự cho có trí,*
Pháp sâu, chỉ đến bờ,
Họ khinh nhờn Chánh pháp,
Họ không kính trọng nhau.

954. *Nhiều nguy hiểm ở đời,*
Sẽ xảy ra tương lai,
Pháp được khéo giảng này,
Kẻ ngu làm uế nhiễm.

955. *Trong Tăng chúng, những vị,*
Có đức hạnh hạ liệt,
Họ thường hay tuyên bố,
Có tự tín, không sợ,
Kẻ không học, lảm lời,
Sẽ đứng vào thế mạnh.

956. *Trong Tăng chúng, những vị,*
Có giới hạnh tốt đẹp,
Khi họ có tuyên bố,
Tuyên bố đúng sự thật,
Họ thường ở thế yếu,
Hổ thẹn thiếu nhiệt thành.

957. *Bạc, vàng và đồng ruộng,*

Đất đai, dê và cừu,
Nô tỳ nữ và trai,
Kẻ ngu si vô trí,
Sẽ thâu nhận tất cả,
Trong tương lai là vậy.
958. Kẻ ngu dễ nóng giận,
Không định tĩnh trong giới,
Kiêu ngạo, đi đó đây,
Nnhư thú ưa đánh nhau.
959. Họ trở thành tháo động,
Thường đắp y màu xanh,
Lừa đảo và ngoan cố,
Lắm mồm, ăn nói giả,
Họ bắt chước giả bộ,
Như bậc Thánh thời xưa.
960. Vời tóc bôi dầu láng,
Dao động, mắt vẽ xanh,
Đắp y màu trắng ngà,
Họ qua lại trên đường.
961. Y vàng được khéo nhuộm,
Lá cờ bạc La-hán,
Được các bậc giải thoát,
Đắp mang không nhằm chán,
Còn họ chán y vàng,
Ái luyện đắp màu trắng.
962. Họ trở thành tham lợi,
Biếng nhác, ít tinh cần,
Khó sống rừng hoang vu,
Thích sông gần xóm làng.
963. Những ai sợ được lợi,
Luôn luôn ưa tà mạng,
Họ học đòi người ấy,
Thân cận, không tự chế.
964. Những ai không được lợi,
Họ không trọng không kính,
Bậc khả kính, Hiền trí,
Họ không có thân cận.
965. Khinh cờ hiệu của mình,
Ưa thích màu ngoại sắc,
Có kẻ mang y trắng,
Lá cờ hiệu ngoại đạo.
966. Không kính y màu vàng,
Thời ấy họ là vậy,
Chờ đợi màu y vàng,
Không phải của Tỷ-kheo.
967. Bị đau khổ chinh phục,
Bị quặn đau tên dâm,
Chờ đợi đại khủng bố.
Voi ta không nghĩ nghĩ.
968. Khi bậc sáu ngà thấy,
Cờ La-hán khéo nhuộm,
Voi nói lên những kẻ,

Liên hệ đến mục đích.

969. Ai sẽ mặc cà-sa,
Tâm chưa rời uế trước,
Không tự chế, không thực,
Không xứng áo cà-sa.

970. Ai rời bỏ uế trước,
Khéo định trong giới luật,
Tự nhiếp phục chơn thực,
Thật xứng áo cà-sa.

971. Phá giới, trí hạ liệt,
Không tự chế, tham dục,
Tâm loạn, thiếu phần chán,
Không xứng áo cà-sa.

972. Ai đầy đủ giới hạnh,
Ly tham, có định tĩnh,
Tâm tư thật trình bạch,
Vị ấy xứng áo cà-sa.

973. Ai kiêu ngạo phóng dăng,
Ngu si, không giới hạnh,
Xứng đáng mặc áo trắng,
Làm gì có cà-sa.

974. Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ni,
Tâm uế, không tin kính,
Tương lai sẽ ức hiếp,
Đối vị có tâm từ.

975. Kẻ ngu mang y áo,
Dầu được Trưởng lão dạy,
Liệt trí sẽ không nghe,
Không tự chế, tham dục.

976. Kẻ ngu dầu dạy vậy,
Không có kính trọng nhau,
Sẽ không có vâng lời,
Lời dạy giáo thọ sư,
Giống như ngựa bắt kham,
Đối với người đánh xe.

977. Như vậy, thời tương lai,
Hành tung sẽ là vậy.
Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ni,
Khi thời tối hậu đến,
Hãy ôn hòa thân ái,
Hãy cung kính lẫn nhau.

978. Đại nạn ấy chưa đến,
Trước khi đại nạn đến,
Hãy ôn hòa thân ái,
Hãy cung kính lẫn nhau.

979. Hãy có tâm từ bi,
Khéo chế ngự trong giới,
Chuyên tinh tấn nỗ lực,
Thường kiên trì phần chán.

980. Thấy nguy hiểm phóng dật,
Không phóng dật an ổn,
Hãy tu Tám Thánh đạo,

Giác chứng đạo bất tử.

Như vậy vị Trưởng lão nói với Tăng chúng của mình. Các bài kệ này là lời nói chánh trí của ngài.

(CCLIX) Sàriputta (Thera. 89)

Đời của ngài và đời của *Moggallàna* gắn liền với nhau. Trong thời đức Phật tại thế, *Sàriputta* sanh tại thành *Upatissa*, không xa Vương Xá (*Rājagaha*) bao nhiêu, mẹ là *Rūpasāri*; còn *Moggallàna* sanh ở thành *Kolita*, không xa thành Vương Xá (*Rājagaha*) bao nhiêu, mẹ là *Moggali*. Vì cả hai là con của vị gia trưởng nên được đặt tên là *Upatissa* và *Kolita*. Cả hai đứa trẻ được nuôi dưỡng trong giàu sang và thiện xảo mọi khả năng. Trong một hội chợ lớn ở Vương Xá (*Rājagaha*) vì tâm tư thuần thực, cả hai đều thấy tất cả quần chúng hội một trăm năm sau, sẽ bị thần chết mang đi, nên cả hai lo âu đi tìm con đường giải thoát. Cả hai xuất gia dưới sự chỉ đạo của *Sanjaya*, hẹn nhau ai chứng quả bất tử trước, sẽ nói cho người kia biết.

Dưới sự chỉ đạo của *Sanjaya*, cả hai không tìm được đạo giải thoát, và sau khi tìm hỏi các Sa-môn, Bà-la-môn gặp được *Assaji* và nhờ *Assaji*, gặp được Thế Tôn, cả hai đều xin xuất gia và được đức Phật độ cho làm Tỷ-kheo với câu: 'Thiện lai Tỷ-kheo'.

Chúng được quả Dự lưu nhờ *Assaji* tóm tắt câu kệ, *Moggallàna*, bảy ngày sau khi xuất gia, tại làng *Kallavāla* ở *Magadha*, sau khi nhiếp phục được hôn trầm thụy miên, nhờ lời Thế Tôn khích lệ, sau khi nghe lời dạy về tu các giới, chứng được quả A-la-hán. Còn *Sàriputta*, nửa tháng sau khi xuất gia khi ở cùng đức Bôn Sư tại hang *Sukarakhata* ở Vương Xá (*Rājagaha*) cũng được chứng quả A-la-hán. Về sau, tại *Jetavana* Thế Tôn xác chứng *Sàriputta* là đệ tử đệ nhất về trí tuệ và thiền quán, và *Sàriputta* sau khi được tôn làm nguyên soái Chánh pháp, một hôm nói lên chánh trí của mình, trước các đệ tử:

981. Ai tùy theo năng lực,
Có giới, tịnh, chánh niệm
Không phóng dật hành trì,
Sở hành đúng tư duy,
Thích hưởng nội, khéo định,
Đơn độc, biết tri túc,
Với sở hành như vậy,
Vị ấy gọi Tỷ-kheo.

982. Ăn đồ ướt hay khô,
Không ăn quá thỏa mãn,
Bụng trống, ăn tiết độ,
Tỷ-kheo trú chánh niệm.

983. Ăn bốn, năm miếng xong,
Rồi hãy uống nước uống,
Thật đủ trú thoải mái,
Với Tỷ-kheo tinh cần.

984. Nhận lấy đồ hợp pháp,
Y áo đáp nhu cầu,
Thật đủ trú thoải mái,
Với Tỷ-kheo tinh cần.

985. Khi ngồi thế kiết-già,
Đầu gối phải mưa ướt,
Thật đủ trú thoải mái,
Với Tỷ-kheo tinh cần.

986. Ai xem lạc là khổ,
Ai xem khổ như tên,

Đứng chạng giữa cả hai,
Do đâu, đời nắm được?

987. Không cho ta ác dục,
Biếng nhác tinh cần kém,
Ít nghe, không tín kính,
Do đâu, đời nắm được?

988. Nghe nhiều, có hiền trí,
Khéo định tĩnh trong giới,
Chuyên chú an chỉ tâm,
Hãy đứng lên trên đầu.

989. Ai chuyên tâm hý luận,
Như thú ưa hý luận,
Roi khỏi, trật Niết-bàn,
Vô thượng, thoát khổ ách.

990. Ai từ bỏ hý luận,
Thích đạo phi hý luận,
Đi đến được Niết-bàn,
Vô thượng, thoát khổ ách.

Rồi vị Trưởng lão, một hôm thấy được chỗ ở của người em *Revata* (XLII, CCXLIV) đang ở, một khu rừng không nước đầy gai góc, ngài tán thán người em và nói:

991. Tại làng hay trong rừng,
Thung lũng hay đồi cao,
Chỗ nào *La-hán* trú,
Đất ấy thật khả ái.

992. Khả ái thay núi rừng,
Chỗ người phàm không ưa,
Vị _____ly tham sẽ thích,
Vị không tìm dục lạc.

Rồi vị Trưởng lão, với lòng từ mẫn đối với *Ràdha* một Bà-la-môn bất hạnh, giúp *Ràdha* xuất gia tu hành. Về sau, khi đang du hành, ngài khích lệ *Ràdha*, bằng lòng với cử chỉ khiêm tốn của *Ràdha*:

993. Như người chỉ của chôn,
Cũng vậy, người thấy lỗi,
Nói điều người trí trách,
Hãy gằn người trí vậy.
Thân cận người như vậy,
Chỉ tốt hơn, không xấu.

Một hôm, bậc Đạo Sư không đi đến để giải tán nhóm Tăng chúng của *Assaji-Runabbasu* được tổ chức ở đồi *Kità*, *Sàriputta* được cử đi cùng với *Moggallàna* và các đệ tử của mình. Khi lời khuyên của *Sàriputta* không được nghe theo, ngài nói như sau:

994. Cần phải khuyên, phải dạy,
Phải ngăn chặn bất thiện,
Làm vậy, người thiện thương,
Người bất thiện không ưa.

Khi các Tỷ-kheo nói rằng chính du sĩ *Dìghanakha*, được Thế Tôn giảng dạy, được sửa soạn bởi hành động quá khứ, có thể làm nhiệm vụ ấy, *Sàriputta* can thiệp, nói rằng không phải:

995. Thế Tôn, bậc có mắt,
Thuyết pháp cho người khác,
Khi pháp được thuyết giảng,
Ta lắng tai nhiệt tình.

996. Ta nghe, không uống phi,
Giải thoát không lậu hoặc,
Không cần biết đời trước,
Không cần được thiên nhãn.

997. Ta không có phát nguyện,
Chúng được tha tâm thông,
Biết chúng sanh sống chết,
Hay nhĩ giới thanh tịnh.

Ba câu kệ tiếp được nói lên về ngài, khi *Sàriputta* trú ở tinh xá hang bò câu, không có bị thương khi bị

quỷ Dạ-xoa đánh:

998. Ngồi dưới một gốc cây,
Đầu trọc, đắp đại y,
Trưởng lão tuệ đệ nhất,
U-pa-tis tu thiền.

999. Đây đủ thiền vô tâm
Đệ tử bậc Chánh giác,
Vời im lặng bậc Thánh,

Ngay lúc ấy, đạt được
1000. Giống như ngọn núi đá,
Không động, khéo vững trú,
Cũng vậy, vị Tỷ-kheo,

Đã đoạn diệt si ám,
Vị ấy như ngọn núi,
Không có bị dao động.

Một hôm, bậc Trưởng lão không chú tâm, để tám y rơi xuống. Một Sa-di nói: 'Thưa Tôn giả y cần phải đắp xung quanh thân mình'. Tôn giả tán thán lời nói của người Sa-di và đáp lại tám y trên thân. Và nói lên điều lỗi của mình, ngài nói bài kệ:

1001. Người không có uesthiêm,
Luôn tâm cầu thanh tịnh,
Ác nhẹ như đầu lông,
Xem nặng như mây trời.

Rồi ngài nêu rõ sự xả ly của ngài đối với vấn đề sống chết.

1002. Ta không hoan hỷ chết,
Ta không hoan hỷ sống,
Ta sẽ bỏ thân này,
Tĩnh giác và chánh niệm.

1003. Ta không hoan hỷ chết,
Ta không hoan hỷ sống,
Ta sẽ bỏ thân này,
Như thợ làm việc xong.

Rồi khi thuyết pháp, ngài nói lên những bài kệ:

1004. Cả hai chết, không chết,
Sau đời hay trước đời,
Hãy dấn thân tiến bước,
Chớ để hư, uống phí,
Dầu một khắc, sát-na,
Chớ để uống phí qua.

1005. Như ngôi thành biên địa,
Được bảo vệ trong ngoài,
Như vậy, hộ tự ngã,
Chớ để phí sát-na,
Sát-na qua, sâu muộn,
Chịu khổ trong địa ngục.

Rồi một hôm, thấy Tôn giả MahaKotthita, ngài nói lên ba câu kệ, tán thán khả năng tốt đẹp của MahaKotthita.

1006. Đạt tịch tịnh, chỉ tức,
Độc chú, không công cao,
Quét sạch các ác pháp,
Như gió quét lá cây.

1007. Đạt tịch tịnh, chỉ tức,
Độc chú, không công cao,

*Gạt ngoài các ác pháp,
Như gió quét lá cây.*

*1008. Đạt tịch tịnh an lặng,
Ý trong sáng không nhiễm,
Bậc trì giới trọn lành,
Có thể dứt đau khổ.*

Câu kệ tiếp nói về các Tỷ-kheo xứ *Vajji* tin tưởng ở *Devadatta* và chấp nhận giáo lý của *Devadatta*:

*1009. Có người không ai tin,
Tại gia hay xuất gia,
Những ai trước là tốt,
Về sau trở thành xấu,
Hoặc trước là người xấu.
Sau trở thành người tốt.*

*1010. Hạng Tỷ-kheo tham dục,
Sống hôn trầm thụy miên,
Trạo cử và nghi ngờ,
Tâm đủ năm phiền não.*

*1011. Với ai, đối cả hai,
Được trọng, không được trọng,
Thiền định, không dao động,
An trú không phóng dật.*

*1012. Thiền tư luôn kiên trì,
Tuệ quán, kiến tế nhị,
Ưa thích chấp thủ diệt,
Vị ấy gọi chân nhân.*

Để phân biệt sự sai khác, lấy Bốn Sư và mình làm thí dụ, ngài nói lên những bài kệ như sau:

*1013. Biển lớn và đất lớn,
Núi và các phương trời,
Không ví dụ sánh được,
Phật, giải thoát thù thắng.*

*1014. Trưởng lão chuyển pháp luân,
Bậc đại trí, thiền định,
Như đất, nước và lửa,
Không tham không ghét bỏ.*

*1015. Đạt được tuệ tối thắng,
Đại giác, đại Mâu-ni,
Không chậm, tỏ chậm chạp
Thường sống thật thanh lương.*

Để nêu rõ bốn phận của ngài đã làm xong, ngài nói:

*1016. Ta hầu hạ Bốn Sư,
Lời Phật dạy làm xong,
Gánh nặng đã đặt xuống,
Gốc sanh hữu nhỏ sạch.*

Và khi ngài sắp nhận Niết-bàn, ngài giảng dạy các Tỷ-kheo đang họp xung quanh ngài như sau:

*1017. Tinh cần, chớ phóng dật,
Đây lời giáo huấn ta!
Ta sẽ nhập Niết-bàn,
Ta thoát mọi sanh y.*

(XXLX) Ananda (Thera. 91)

Trong thời đức Phật tại thế, ngài sanh trong gia đình Thích-ca *Amitedana*. Vì các bà con nói ngài sanh đem hoan hỷ cho gia đình, nên được đặt tên là *Ananda* (Khánh Hỷ). Khi lớn lên, các sự kiện xuất gia, giác ngộ, chuyển Pháp luân được diễn ra, và sau khi Thế Tôn viếng thăm *Kapilavatthu*, ngài xuất gia với

Bhaddiya và các người khác và được Thế Tôn thể độ cho. Sau khi nghe bài thuyết pháp của *Punna Mantani*, ngài chứng được Sơ quả.

Trong hai mươi năm đầu, Thế Tôn không có thị giả riêng, khi thì *Nàgasamàla*, khi thì *Nàgita*, khi thì *Upavàna*, *Sunakkhatta*, *Sa-di Cunda*, *Sàgata*, *Meghiya*. Thế Tôn không có lựa chọn ai làm thị giả đặc biệt. Sau Thế Tôn khi đã năm mươi sáu tuổi, gợi ý muốn có một thị giả thường trực, có Tỷ-kheo đề nghị *Ananda* và *Ananda* chỉ nhận lời nếu Thế Tôn chịu từ chối bốn việc và chấp nhận bốn việc. Từ chối không cho *Ananda*, y, đồ ăn, một phòng riêng và mời ăn, vì nếu không từ chối thì *Ananda* bị hiểu lầm là hầu hạ Thế Tôn để được y, đồ ăn khát thực, phòng xá và mời ăn. Chấp nhận cho *Ananda* bốn việc là nếu *Ananda* được mời ăn, Thế Tôn bằng lòng đi dự; Thế Tôn bằng lòng gặp những người từ xa đi đến và do *Ananda* giới thiệu; Thế Tôn chấp nhận cho *Ananda* yết kiến nếu *Ananda* gặp phân vân khó xử; Thế Tôn sẽ giảng lại những giáo lý ngài dạy khi *Ananda* vắng mặt. Nếu Thế Tôn không chấp nhận bốn điều này, thì sự hầu hạ của *Ananda* không đem lại thiện quả gì. Thế Tôn chấp nhận điều *Ananda* yêu cầu. Từ hôm ấy, *Ananda* hầu hạ Thế Tôn, đem nước, đem tắm xia răng, rửa chân, đi theo Thế Tôn, quét phòng cho Thế Tôn. Ban ngày, *Ananda* ở một bên đức Phật, nhắc nhở những điều cần làm; ban đêm cầm đèn và gậy. *Ananda* đi xung quanh phòng đức Phật sẵn sàng đáp ứng nếu Thế Tôn có gọi. Thế Tôn tại *Jetavana*, xác chứng *Ananda* là vị Tỷ-kheo đệ nhất về năm phương diện: Đa văn, tâm tư cảnh giác, sức mạnh đi bộ, lòng kiên trì và sự hầu hạ chu đáo. Như vậy, *Ananda* sau khi Thế Tôn nhập diệt vẫn chưa chứng quả A-la-hán, và đêm trước khi kỳ kiết tập thứ nhất được tổ chức, ngài phát tâm tinh cần tinh tấn, thiền quán suốt đêm, trong mái hiên nhưng chưa có hiệu quả. Rồi ngài vào phòng ngồi trên giường, muốn nằm xuống và khi đầu chưa đụng chiếc gối, chân chưa rời khỏi đất, trong khoảng thời gian ấy, ngài chứng được quả A-la-hán. Rồi ngài bước vào phòng kiết tập.

Các câu kệ của ngài được góp thâu lại và để vào trong tập Trưởng lão Tăng Kệ, khi *Khuddaka Nikàya* (Tiểu bộ kinh) được tụng đọc.

Những bài kệ đầu được nói lên, khi ngài khuyên các Tỷ-kheo thường thân cận với kẻ theo *Devadatta*:

1018. Hai lưỡi và phần nộ,

Xan tham, thích phá hoại,

Bậc trí không giao du,

Kẻ ác bạn kẻ xấu.

1019. Với bậc tin, dễ thương,

Với bậc trí, nghe nhiều,

Bậc Hiền trí, giao du,

Kẻ thiện bạn chân nhân.

Các bài kệ sau được nói lên khi nữ cư sĩ *Uttarà*, vì nàng đẹp nên thiên về dục vọng và được nói lên để nàng thấy sự mỏng manh của thân nàng. Có người nói các bài kệ này nói lên cho những ai đắm say *Ambapàli*:

1020. Hãy xem bóng trang sức,

Nhóm vết thương tích tụ,

Bệnh hoạn nhiều tham tướng,

Nhưng không gì trường cửu.

1021. Hãy nhìn sắc trang sức,

Với châu báu vòng tai,

Bộ xương, da bao phủ

Sáng chói nhờ y phục.

Hai câu kệ tiếp được vị Trưởng lão nói lên khi chứng quả A-la-hán, đêm ấy trên giường của mình:

1022. Nghe nhiều, diễn thuyết giỏi,

Thị giả bậc Giác giả,

Gánh nặng đã đặt xuống,

Ràng buộc được thoát ly,

Bậc họ Gotama,

Đặt lưng nằm xuống nghỉ.

1023. Các lậu hoặc đoạn tận,

Ràng buộc được thoát ly,

Mọi cháp trước vượt qua,
Khéo đạt được thanh lương,
Gánh vác thân cuối cùng,
Đến bờ kia sanh tử.

1024. Pháp an trú trong ấy,
Phật bà con mặt trời,
Trên đường đến Niết-bàn
Gotama an trú.

Một hôm Moggallàna người chăn bò, hỏi ngài lời dạy của đức Phật là gì, có bao nhiêu giáo lý tất cả. Vị
Trưởng lão trả lời:

1025. Ta nhận từ đức Phật,
Tám mươi hai ngàn pháp,
Còn nhận từ Tỷ-kheo,
Thêm hai ngàn pháp nữa,
Tổng cộng tám tư ngàn,
Là pháp ta chuyển vận.

Một hôm, vị Trưởng lão nói cho một người sống bê tha phóng dăng sự nguy hiểm của một đời sống
không giáo dục văn hóa:

1026. Người ít nghe ít học,
Lớn già như con bò,
Nhưng thịt nó lớn lên,
Trí tuệ nó không lớn.

Những bài kệ tiếp nói cho vị Tỷ-kheo khinh khi những người ít học thua mình:

1027. Người học nhiều khinh miệt,
Kẻ học ít về học,
Nhu người mù mang đèn,
Ta có ý là vậy.

1028. Hãy kính người nghe nhiều,
Chớ hại điều sở học,
Đáy cội gốc Phạm hạnh,
Do vậy, hãy trì pháp.

1029. Biết câu trước câu sau,
Biết nghĩa, giỏi từ cú,
Nắm giữ điều khéo nắm,
Suy tìm trên nghĩa lý.

1030. Chính nhờ đức kham nhẫn,
Sở nguyện được tác thành,
Sau khi đã tinh tấn,
Vị ấy lại cân nhắc,
Đúng thời, ra nỗ lực,
Nội tâm khéo định tĩnh.

1031. Nghe nhiều, thọ trì pháp
Có tuệ, đệ tử Phật,
Chờ đợi thức tri pháp,
Nên thân cận vị ấy.

1032. Nghe nhiều thọ trì pháp,
Hộ tạng Đại ẩn sĩ,
Cặp mắt, toàn thế giới,
Hãy lễ vị nghe nhiều.

1033. Ưa pháp, vui thích pháp,
Luôn suy tư Chánh pháp,
Tỷ-kheo nhớ niệm pháp,

Diệu pháp không tổn giảm.

Một hôm, ngài đốc thúc vị Tỷ-kheo dao động, biếng nhác như sau:

1034. Thân ích kỹ nặng chãng,

Không có ưa hoạt động,

Thời gian mòn mỏi qua,

Không thể đứng dậy sao?

Tham đắm theo thân lạc,

Từ đâu, Sa-môn lạc?

Những câu kệ sau, Trưởng lão *Ananda* đọc lên khi nghe tin *Sàriputta* mệnh chung:

1035. Mọi phương đều mờ mịt,

Pháp không khỏi nơi ta,

Người bạn tốt đã đi,

Tôi tắm lan tràn khắp.

1036. Người bạn đã đi qua,

Đạo Sư đã đi qua,

Bạn như vậy không còn,

Như quán thân hành niệm.

1037. Các vị xưa đã qua,

Vị mới ta không hạp,

Nay một mình ta thiên,

Như chim, khi mưa đến.

Câu kệ tiếp là của bậc Đạo Sư. Câu tiếp là của *Ananda*, hoan hỷ làm theo lời vị Đạo Sư:

1038. Từ các địa phương khác,

Nhiều người yết kiến Ta,

Chớ ngăn họ nghe pháp,

Nay thời họ gặp Ta.

1039. Từ các địa phương khác,

Quần chúng đến yết kiến,

Bổn Sư cho họ dịp,

Để được yết kiến Ngài;

Bậc có mắt không có,

Từ chối ngăn chặn ai.

Năm câu kệ tiếp nêu rõ ngài là bậc thị giả đệ nhất:

1040. Trái hai mươi lăm năm

Ta chỉ là hữu học,

Dục tướng không khởi lên,

Hãy xem pháp, pháp tánh.

1041. Trái hai mươi lăm năm,

Ta chỉ là hữu học,

Sân tướng không khởi lên,

Hãy xem pháp, pháp tánh.

1042. Trái hai mươi lăm năm,

Ta hầu hạ Thế Tôn,

Với thân nghiệp từ hòa,

Như bóng không rời hình.

1043. Trái hai mươi lăm năm

Ta hầu hạ Thế Tôn,

Với khẩu nghiệp từ hòa,

Như bóng không rời hình.

1044. Trái hai mươi lăm năm,

Ta hầu hạ Thế Tôn,

Với ý nghiệp từ hòa,

Như bóng không rời hình.

*1045. Khi đức Phật kinh hành,
Ta đi theo sau lưng,
Khi pháp được thuyết giảng,
Trí khởi lên nơi ta.*

*1046. Ta vẫn còn là người,
Có việc cần phải làm,
Ta chỉ là hữu học,
Tâm ý chưa chứng đạt,
Đạo Sư nhập Niết-bàn,
Ai sẽ từ trần ta.*

*1047. Như vậy thật khủng khiếp
Như vậy thật kinh hoàng,
Khi bậc toàn tuyệt hảo,
Bậc Giác ngộ Niết-bàn.*

Ba câu kệ tiếp, do các vị dự kỳ kiết tập thêm vào để tán thán Trưởng lão *Ananda*:

*1048. Nghe nhiều, thọ trì pháp,
Hộ tạng Đại ân sĩ,
Cặp mắt toàn thế giới,
Anan nhập Niết-bàn.*

*1049. Nghe nhiều, thọ trì pháp,
Hộ tạng Đại ân sĩ,
Cặp mắt toàn thế giới
Đoạn ám chỗ tối tăm.*

*1050. Ngài là bậc ân sĩ,
Với hành vị tuyệt hảo,
Với chánh niệm tuyệt hảo,
Với kiên trì tuyệt hảo,
Thọ trì chân diệu pháp,
Là Trưởng lão A-nan,
Là kho tàng sống động,
Đầy châu báu ngọc ngà.*

Câu kệ này được *Ananda* nói lên khi nằm trên giường, trong giờ phút cuối cùng:

*1051. Ta hầu hạ Bốn Sư,
Lời Phật dạy làm xong,
Gánh nặng đã đặt xuống,
Gốc sanh hữu nhỏ sạch.*